萬能科技大學 115-1 學年度國際專修部 1+4 繳交文件對照表(河內)

BẢNG ĐỐI CHIẾU HỒ SƠ BÁO DANH CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN TU QUỐC TẾ 1+4
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2026-2027 TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHKT VẠN NĂNG (TẠI HÀ NỘI)

☐ (1)「報到同意書」(一式兩聯，需家長簽章) Đơn đồng ý báo danh (một bản hai liên, cần chữ ký phụ huynh).
☐ (2) 護照正本 Hộ chiếu còn hạn trên 6 tháng BẢN GỐC (có chữ kí họ và tên của người mang hộ chiếu).
☐ (3) 辦理簽證申請表 Mẫu đơn xin visa Đài Loan có **chữ ký khớp với hộ chiếu,** nộp kèm 02 ảnh chân dung. (Ảnh chân dung size 4x6cm chụp trong vòng 03 tháng gần nhất, mặt sau ảnh ghi **họ tên + ngày tháng năm sinh**).
☐ (4) 入學通知單正本 Thông báo nhập học BẢN GỐC (mục này nhà trường cấp).
☐ (5) 畢業證書已認證蓋章 Bằng tốt nghiệp THPT dịch thuật có tem lãnh sự.
  ☐ 5.1. 畢業證書正本 Bằng tốt nghiệp THPT chính thức / ☐ 臨時畢業證書 Chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời.
  ☐ 5.2. Thí sinh tốt nghiệp năm 2026 trở đi, chuẩn bị **Bản cam kết giải trình điểm THPT** + ☐ **Photo bảng điểm trực tuyến** (lớp 10, 11, 12) trích xuất trên hệ thống thông tin của Bộ Giáo dục.
  ☐ 5.3. Thí sinh sử dụng bằng tốt nghiệp tạm thời, chuẩn bị **Giấy xác nhận chưa cấp bằng tốt nghiệp THPT gốc** (do trường THPT cấp, có dấu mộc của nhà trường) + ☐ **Cam kết sử dụng bằng tốt nghiệp tạm thời** (mẫu đơn có trên web tuyển sinh của trường Vạn Năng).
☐ (6) 歷年成績單已認證蓋章正本 Học bạ/bảng điểm dịch thuật có tem lãnh sự BẢN GỐC.
☐ (7) 語言切結書正本 Bản cam kết A2 BẢN GỐC (mẫu đơn có trên web tuyển sinh của trường Vạn Năng).
☐ (8) 財力證明正本 Sổ tiết kiệm BẢN GỐC (tài khoản ngân hàng được mở trong vòng 6 tháng gần nhất, nếu đứng tên bố mẹ đính kèm giấy khai sinh BẢN GỐC).
☐ (9) 學習計劃書要簽名正本 Kế hoạch học tập BẢN GỐC (có ký họ và tên).
☐ (10) 體檢證明正本+打針證明正本 Giấy khám sức khỏe BẢN GỐC + phiếu tiêm BẢN GỐC.
☐ (11) 畢業證書正本 Bằng tốt nghiệp THPT BẢN GỐC (hoặc Chứng nhận tốt nghiệp tạm thời BẢN GỐC).
☐ (12) 歷年成績單正本 Học bạ/bảng điểm BẢN GỐC.
☐ (13) 入學通知單影印本 Thông báo nhập học bản photo (mục này nhà trường cấp).
☐ (14) 畢業證書已認證蓋章影印本 Bằng tốt nghiệp THPT (hoặc Chứng nhận tốt nghiệp tạm thời) dịch thuật có tem lãnh sự bản photo.
☐ (15) 歷年成績單已認證蓋章影印本 Học bạ/bảng điểm dịch thuật có tem lãnh sự bản photo.
☐ (16) 語言切結書影印本 Bản cam kết A2 bản photo.
☐ (17) 財力證明影印本 Sổ tiết kiệm bản photo (nếu đứng tên bố mẹ cần nộp kèm giấy khai sinh bản photo).
☐ (18) 學習計劃書要簽名影印本 Kế hoạch học tập bản photo (có ký họ và tên).
☐ (19) 體檢證明+打針證明影印本 Giấy khám sức khỏe BẢN GỐC + phiếu tiêm bản photo.
☐ (20) 護照影印本 Hộ chiếu bản photo.
☐ (21) 身分證影印本 CCCD 2 mặt bản photo.
☐ (22) 代收簽證費：$66 美元 Phí thị thực (gói thường): $66 USD.

<table>
<tr><td>姓名 Họ tên</td><td colspan="2"></td><td>鈔票幣值
Mệnh giá</td><td>鈔票序列號 Số seri</td></tr>
<tr><td>出生年月日
Ngày tháng năm sinh</td><td colspan="2"></td><td>100</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="6">錄取系所
Ngành trúng tuyển</td><td rowspan="6">☐精工系 Khoa Cơ khí
☐資工系 Khoa Kỹ thuật Thông tin
☐航機系 Khoa Cơ điện Hàng không
☐觀休系 Khoa Du lịch
☐行銷系 Khoa Marketing
☐餐飲系 Khoa Quản lý Nhà hàng</td><td>20</td><td></td></tr>
<tr><td>10</td><td></td></tr>
<tr><td>5</td><td></td></tr>
<tr><td>2</td><td></td></tr>
<tr><td>1</td><td></td></tr>
<tr><td>錄取序號
Số thứ tự trúng tuyển</td><td colspan="2"></td><td colspan="2">總金額 Tổng số tiền:_____</td></tr>
</table>

※請考生自行備妥相關資料，並依對照表順序排列。本校僅協助全體考生辦理團體報名作業，恕不負責代為審核或檢查各項證件及資料之正確性。若因考生所提供之資料有誤、缺漏或不符相關規定，致遭駐越南台北經濟文化辦事處退件者，其相關責任概由考生自行負責，敬請留意，謝謝。

※Thí sinh vui lòng tự chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ liên quan và sắp xếp hồ sơ theo đúng thứ tự trong bảng đối chiếu. Nhà trường chỉ hỗ trợ thực hiện đăng ký theo hình thức đoàn thể cho toàn bộ thí sinh, không chịu trách nhiệm thay mặt thí sinh kiểm tra, thẩm định hoặc xác nhận tính chính xác và đầy đủ của các loại giấy tờ, hồ sơ đã nộp. Trường hợp hồ sơ do thí sinh cung cấp có sai sót, thiếu sót hoặc không phù hợp với các quy định liên quan dẫn đến việc bị Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Việt Nam trả hồ sơ, mọi trách nhiệm phát sinh sẽ do thí sinh tự chịu. Kính đề nghị thí sinh lưu ý và kiểm tra kỹ trước khi nộp hồ sơ. Xin cảm ơn.

繳件人簽名 (Người nộp hồ sơ kí tên):.....　　**收件員簽名** (Người nhận hồ sơ kí tên):.....
日　　期 (Ngày nộp hồ sơ):.....　　**日　　期** (Ngày nhận hồ sơ):.....